

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3331/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình chuyên dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 878/TTr-SNN-NN ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2.

- Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, quận, huyện liên quan và các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để triển khai Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất rau khẩn trương lập quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn quản lý theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ sản xuất rau an toàn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn hàng năm trên địa bàn.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện và Sở, ngành liên quan cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, dự toán chi ngân sách hàng năm đảm bảo tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015.

- Sở Công Thương tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về kinh doanh rau, quả trên địa bàn thành phố; xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng thương hiệu “chợ kinh doanh rau, quả an toàn”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất rau chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3331/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN RAU AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Sự cần thiết:

Từ kết quả thực hiện chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2006 - 2010 trên địa bàn thành phố cho thấy rằng phát triển rau an toàn là một hướng đi đúng, phù hợp với chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; góp phần tăng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố.

Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp - nông dân - nông thôn đến năm 2020 phát triển nông nghiệp thành phố theo hướng hiện đại, bền vững, tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, tập trung sản xuất rau an toàn có năng suất, chất lượng hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm là hết sức cần thiết.

Xác định các mục tiêu chương trình phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015 giúp người nông dân định hướng sản xuất, kinh doanh, nâng cao giá trị sản xuất rau và góp phần phát triển nền nông nghiệp bền vững.

2. Cơ sở pháp lý:

- Quyết định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn đến năm 2015;

- Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp - nông dân - nông thôn theo Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

- Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN RAU AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Thực hiện chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố, ngành Nông nghiệp đã phối hợp với các Sở, ngành, quận, huyện tập trung triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2006 - 2010, kết quả đạt được như sau:

1. Kết quả thực hiện chương trình rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010:

1.1. Về diện tích, năng suất, sản lượng rau:

Giai đoạn 2006 - 2010, ngành nông nghiệp thành phố đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất nông nghiệp tổ chức thẩm định điều kiện sản xuất rau an toàn; đến cuối năm 2010, đã hoàn thành công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đất, nước tại các xã, phường, quận, huyện có sản xuất rau trên địa bàn thành phố, kết quả có 2.735 ha trên tổng số 2.840 ha, chiếm 96,3% tổng diện tích canh tác đủ điều kiện sản xuất rau an toàn theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đến năm 2010, diện tích canh tác rau đạt 2.874 ha, tăng 41,9%, diện tích gieo

trồng rau các loại là 13.000 ha, tăng 40,8%, năng suất trung bình đạt 22 tấn/ha, tăng 15,8%, sản lượng đạt 289.900 tấn/năm, tăng 64,4%, doanh thu trung bình đạt 200 triệu đồng/ha/năm, tăng 117% so với năm 2006 (Phụ lục 1).

1.2. Về chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật được ngành nông nghiệp phối hợp với chính quyền địa phương, các đoàn thể và đặc biệt có sự tham gia của các doanh nghiệp triển khai thực hiện. Nhiều hoạt động nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau an toàn đã được ngành nông nghiệp triển khai và ứng dụng trong sản xuất có hiệu quả như: sử dụng giống lai F1 (rau ăn lá và ăn quả), chế phẩm BIMA chứa nấm đối kháng Trichoderma, phân bón vi sinh Azotobacterin, nghiên cứu nhân nuôi và sử dụng ong ký sinh trong phòng trị sâu hại, phòng trừ tuyến trùng hại rau; mô hình sử dụng giống lai F1, mô hình sản xuất rau muống nước an toàn, mô hình trồng rau mầm; mô hình cơ giới hóa... đã góp phần rất lớn cho việc đẩy mạnh phát triển diện tích rau an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.

Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng, vật nuôi đã thử nghiệm tính thích nghi 107 giống rau và khuyến cáo, chuyển giao cho nông dân sử dụng 31 giống rau mới. Việc chuyển giao các giống rau mới cùng với áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác thích hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế cho người trồng rau. Diện tích sản xuất rau có sử dụng giống F1 tăng từ 2.748 ha (chiếm 32,2%) năm 2005 lên 9.785 ha (chiếm 75,3%) năm 2010.

Trung tâm Công nghệ sinh học đã nghiên cứu và sản xuất các chế phẩm sinh học BIMA, phân bón lá BIO trừn quế phục vụ cho canh tác rau theo hướng hữu cơ sinh học.

Trung tâm Khuyến nông đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, tập huấn, xây dựng mô hình đã nâng cao được nhận thức của người nông dân về việc sử dụng phân bón tiết kiệm, hợp lý, sử dụng phân bón có nguồn gốc sinh học: đã hỗ trợ 98 máy các loại gồm máy xới trung, máy xới mini, máy phun thuốc bảo vệ thực vật. Kết quả, hiện nay tổng số máy xới, máy phun thuốc lên tới 117 máy (nông dân tự mua 19 máy); máy xới tay BL550 thay thế được 4 lao động thủ công trong khâu làm đất, mỗi năm tiết kiệm được hơn 20 triệu/ha, với máy phun thuốc tiết kiệm được 2 triệu/ha/vụ rau.

Chi Cục Bảo vệ thực vật đã thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”, khuyến cáo nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, đến cuối năm

2010 đã có 43,2% nông dân có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học trong sản xuất rau. Các hoạt động trên đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nông dân vi phạm các quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: từ 0,6% năm 2006 giảm còn 0,23% năm 2010.

1.3. Phát triển kinh tế tập thể và xúc tiến thương mại:

Đến cuối năm 2010 toàn thành phố có 9 Hợp tác xã và 33 Tổ hợp tác sản xuất rau an toàn, tăng 6 Hợp tác xã và 10 Tổ hợp tác so với năm 2006. Một số Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả cao như Hợp tác xã Phước An, Hợp tác xã Ngã Ba Giồng và Hợp tác xã Thổ Việt, Liên tổ Rau an toàn Tân Trung. Bình quân mỗi Hợp tác xã có 68 xã viên và 412 triệu đồng vốn điều lệ.

Thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp với chương trình hỗ trợ lãi vay theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 và Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi từ cây trồng có hiệu quả thấp sang cây trồng có hiệu quả cao hơn. Đến năm 2010, tổng số hộ vay: 166 hộ, tổng số vốn đầu tư: 16.099 triệu đồng, tổng số vốn vay được hỗ trợ lãi suất: 15.214 triệu đồng.

Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp đã tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại để hỗ trợ cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh rau an toàn tham gia hội chợ, triển lãm và ký kết các hợp đồng tiêu thụ rau, quả an toàn. Đến nay, có 24 hợp đồng tiêu thụ rau giữa các Hợp tác xã và các doanh nghiệp đã được ký kết, bình quân tiêu thụ 2.500 tấn rau, quả/tháng. Ngoài ra, còn thiết kế logo và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các Hợp tác xã rau an toàn; thiết kế được 33 website cho các Hợp tác xã và tổ chức sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

1.4. Công tác kiểm tra chất lượng rau an toàn:

Chi Cục Bảo vệ thực vật đã phối hợp với các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, Ban quản lý các chợ đầu mối, các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật bằng phương pháp phân tích nhanh (GT- Test kit của Thái Lan) tại vùng sản xuất, kinh doanh rau. Kết quả sau 5 năm, tỷ lệ mẫu rau phát hiện dương tính với GT- Test kit và số mẫu có dư lượng thuốc trừ sâu vượt mức cho phép giảm dần qua các năm. Tại vùng sản xuất, tỷ lệ mẫu phát hiện dương tính ở mức thấp (1,4%/năm); tại các khu vực kinh doanh rau, tỷ lệ mẫu có phản ứng dương tính giảm từ 1,7% năm 2005 còn 0,98% năm 2010; phân tích định lượng các mẫu dương tính tại

vùng sản xuất, kinh doanh rau năm 2010, không phát hiện các mẫu rau có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt mức cho phép.

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

2.1. Mặt làm được:

Chương trình rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 đã được ngành nông nghiệp cùng với các quận, huyện, các đoàn thể và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh rau an toàn phối hợp thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp; so với năm 2006, diện tích gieo trồng, sản lượng, giá trị sản xuất, doanh thu rau an toàn năm 2010 đều tăng nhanh, cụ thể: diện tích gieo trồng tăng 45,2%, sản lượng tăng 64,4%, doanh thu tăng 117%, giá trị sản xuất rau tăng 76% (từ 607,99 tỷ đồng lên 1.070,18 tỷ đồng), góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp.

Nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất rau an toàn được thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc sản xuất ra sản phẩm an toàn và nâng cao nhận thức tiêu thụ sản phẩm an toàn của người tiêu dùng; công tác kiểm tra chất lượng rau an toàn cũng được ngành nông nghiệp quan tâm bước đầu thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ mẫu rau phản ứng dương tính với phân tích nhanh (GT-Test kit của Thái Lan) đã giảm từ 2,3% năm 2005 xuống còn 1,07% năm 2010.

2.2. Mặt hạn chế:

Diện tích canh tác rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 chưa đạt mục tiêu chương trình đề ra. Nguyên nhân do chịu ảnh hưởng của thời tiết bất thường; giá cả vật tư đầu vào biến động; giá cả đầu ra chưa ổn định; chính sách hỗ trợ sản xuất tiêu thụ rau an toàn chưa đồng bộ, chưa khuyến khích người dân mở rộng diện tích; năng lực cạnh tranh sản phẩm rau an toàn chưa cao do sản phẩm chưa đa dạng, sản phẩm rau được chứng nhận an toàn chưa có sự phân biệt rõ trên thị trường; trình độ, năng lực của cán bộ quản lý một số Hợp tác xã và tổ hợp tác còn yếu, chưa định hướng, chưa có kế hoạch sản xuất cụ thể; công tác chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật còn chậm.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN RAU AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Một số thuận lợi, khó khăn tác động đến phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015:

1.1. Những mặt thuận lợi:

- Thành phố đã ban hành chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố nói chung và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng, đẩy nhanh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2010 - 2020.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư ngày càng hoàn chỉnh, đồng bộ, điều kiện sản xuất và sinh hoạt của người nông dân ngày càng được nâng cao.

- Kinh nghiệm trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình rau an toàn giai đoạn 2006 - 2010, nhất là trong công tác quản lý sản xuất và kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm trên rau.

- Thành phố có nhiều đơn vị, tổ chức nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, dịch vụ về giống, vật tư chuyên ngành.

- Quan hệ sản xuất tiếp tục được củng cố, xu hướng hợp tác, liên kết trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản ngày càng phát triển; xuất hiện nhiều mô hình tiêu biểu, hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp.

1.2. Những khó khăn:

- Cơ sở hạ tầng một số vùng sản xuất chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ.

- Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún nên hạn chế áp dụng cơ giới vào sản xuất trong khi lao động nông nghiệp ngày càng khan hiếm, chi phí thuê lao động liên tục tăng.

- Diễn biến bất thường của thời tiết; giá cả các loại nguyên liệu đầu vào như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... luôn biến động; thị trường tiêu thụ chưa ổn định ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất rau.

- Chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ rau mới hình thành, chưa chặt chẽ; hệ thống tiếp thị còn nhiều hạn chế.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

- Phát triển mở rộng diện tích gieo trồng rau an toàn, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn và chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy hoạch; phát triển nông nghiệp thành phố theo hướng nông nghiệp đô thị

hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, ổn định, bền vững; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai dịch bệnh.

- Phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nông dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Mở rộng diện tích rau an toàn trên địa bàn thành phố, phấn đấu đến năm 2015 diện tích gieo trồng rau đạt 15.000 ha, năng suất đạt 25 tấn/ha, sản lượng đạt 375.000 tấn, giá trị sản xuất đạt trên 220 triệu đồng/ha/năm, trong đó trên 90% các tổ chức, cá nhân tại các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo đủ điều kiện sản xuất, sơ chế sản phẩm rau, quả an toàn phù hợp VietGAP.

- 100% diện tích sản xuất rau tại các Hợp tác xã, Tổ hợp tác được chứng nhận rau VietGAP; 100% xã có sản xuất rau thực hiện chương trình nông thôn mới có mô hình sản xuất rau được chứng nhận VietGAP.

- Xây dựng được chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ rau an toàn được kiểm tra giám sát, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Xây dựng được vùng sản xuất rau chuyên canh, tập trung đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kết hợp đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

3. Nhiệm vụ:

- Mở rộng diện tích rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015

Bảng 1: Kế hoạch phát triển rau giai đoạn 2011 - 2015

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Diện tích canh tác (ha)	3.200	3.700	4.200	4.900	5.630
Diện tích gieo trồng (ha)	13.284	13.700	14.200	14.700	15.000
Diện tích rau an toàn (ha)	13.000	13.400	13.800	14.300	14.600
Năng suất (tấn/ha)	23,6	23,6	24	24,5	25
Sản lượng (tấn)	280.280	323.320	340.800	360.150	375.000

Bảng 2: Kế hoạch phát triển rau của các quận, huyện
giai đoạn 2011 - 2015

Năm	Củ Chi	Bình Chánh	Hóc Môn	Khác	Tổng	Tăng
2011	6.400	4.200	1.300	1.384	13.284	
2012	6.700	4.250	1.300	1.450	13.700	416
2013	7.000	4.400	1.300	1.500	14.200	500
2014	7.300	4.450	1.300	1.650	14.700	500
2015	7.500	4.500	1.300	1.491	15.000	300

- Ứng dụng công nghệ sinh học và các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất và sơ chế rau nhằm mục đích tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm rau.

- Tăng diện tích rau được chứng nhận VietGAP: Đến năm 2015, trên 90% các tổ chức, cá nhân tại các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo đủ điều kiện sản xuất, sơ chế sản phẩm rau, quả an toàn phù hợp VietGAP.

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát chất lượng rau tiêu thụ trên địa bàn thành phố, đảm bảo 100% sản phẩm rau đạt chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đảm bảo tất cả sản phẩm rau VietGAP có thị trường tiêu thụ ổn định.

4. Các giải pháp thực hiện:

4.1. Giải pháp về quy hoạch vùng sản xuất rau và đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất rau tập trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, có sản lượng lớn theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Công bố công khai quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất rau tập trung đến các cấp chính quyền và người dân biết để thực hiện.

- Tập trung đầu tư hoàn chỉnh đồng bộ các công trình hạ tầng cơ sở về thủy lợi, giao thông nông thôn, điện,... phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, nhất là các xã thực hiện chương trình nông thôn mới.

4.2. Giải pháp về đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra chất lượng rau an toàn:

- Đẩy mạnh công tác tập huấn và chứng nhận sản xuất, kinh doanh rau an toàn theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành sản xuất tốt (GMPs), hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP),... cho các hộ nông dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau an toàn trên địa bàn thành phố kết hợp tuyên truyền, phổ biến các quy định của nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đào tạo nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác thanh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên rau.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trên rau trong quá trình sản xuất và lưu thông trên địa bàn thành phố, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Rà soát các văn bản pháp luật của ngành, các tiêu chuẩn chất lượng trên rau để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

4.3. Giải pháp về chính sách:

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư vùng sản xuất, sơ chế, chế biến và bảo quản sản phẩm rau an toàn trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả, chè an toàn đến năm 2015.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất áp dụng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ nông dân theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông đối với phát triển rau an toàn.

- Tiếp tục nghiên cứu để bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp đô thị; chính sách ứng dụng cơ giới hóa, khuyến nông, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất rau an toàn.

4.4. Giải pháp về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

- Giống:

+ Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống đảm bảo kiểm soát được giống rau cả về chủng loại, số lượng và chất lượng; đồng thời tăng cường công tác khuyến nông về chuyển giao các giống mới vào sản xuất.

+ Thực hiện tốt công tác phục tráng các giống rau địa phương có năng suất và chất lượng cao.

+ Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng một số giống rau mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và đa dạng hóa chủng loại rau cung cấp cho thị trường thành phố.

- Kỹ thuật canh tác:

+ Tiếp tục đẩy mạnh tập huấn kết hợp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, mô hình rau an toàn tại các xã có sản xuất rau, nhất là các xã thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

+ Ứng dụng các biện pháp tưới nước tiết kiệm nhằm thay đổi tập quán canh tác truyền thống sang ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng nước.

+ Ứng dụng các kỹ thuật canh tác hiệu quả cao: nhà lưới, trồng rau trên giá thể, thủy canh,...

- Tiến bộ khoa học kỹ thuật khác:

+ Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất, sơ chế, bảo quản rau an toàn: máy xới đất, máy phun thuốc, hệ thống tưới,...

+ Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp để giảm tổn thất sau thu hoạch như: thời gian thu hoạch, quy trình bao gói sản phẩm, vật liệu bảo gói, quy trình bảo quản...

4.5. Giải pháp về phát triển kinh tế tập thể và xúc tiến thương mại:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố.

- Củng cố và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, tiêu thụ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại và các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng các chuỗi sản xuất, tiêu thụ rau an toàn, phát triển mối liên kết giữa người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ kịp thời và quyền lợi các bên.

- Tổ chức công tác thông tin truyền thông, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương

mai và tiêu thụ rau an toàn; duy trì và nâng cấp hoạt động các trang website thông tin về nông nghiệp; xây dựng thương hiệu rau an toàn; tổ chức các hội chợ, hội thi, triển lãm sản phẩm nông nghiệp.

- Tập trung cải thiện và nâng cao hiệu quả các kênh tiêu thụ sản phẩm rau an toàn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ rau, quả của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác; từng bước nâng tỷ lệ rau tiêu thụ qua các doanh nghiệp, Hợp tác xã, Siêu thị.

- Xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin thị trường nông sản, nối mạng với các chợ đầu mối, các tổ chức kinh doanh, các tổ chức giao dịch nông sản; tạo điều kiện và phát triển hoạt động tư vấn, hỗ trợ nông dân trong công tác xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm rau an toàn.

5. Các chương trình, dự án, đề án đầu tư:

5.1. Dự án phục tráng một số giống rau địa phương; thử nghiệm và chuyển giao các giống rau có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất:

- Mục tiêu:

+ Phục tráng các giống rau đặc sản có giá trị kinh tế cao như: giống cải xanh, cải ngọt của Bình Chánh; giống khổ qua, cà chua của Hóc Môn,...

+ Nhằm ứng dụng, chuyển giao kịp thời các giống rau mới chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của thành phố, nâng cao hiệu quả sản xuất rau, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp. Mỗi năm chuyển giao 4 - 5 giống rau cho nông dân.

- Nội dung:

+ Phục tráng 07 giống rau địa phương gồm 02 giống dưa leo, 01 giống cà chua, 01 giống ớt, 01 giống khổ qua, 01 giống cải ngọt, 01 giống cải xanh.

+ Thử nghiệm tính thích nghi các giống rau mới.

+ Xây dựng các mô hình trình diễn, hội thảo nhằm giới thiệu giống mới.

+ Tập huấn, chuyển giao giống rau có năng suất, chất lượng cao cho nông dân.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 6 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng - vật nuôi.

- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam, Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, các công ty sản xuất giống cây trồng, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Trung tâm Công nghệ sinh học, Chi cục Bảo vệ thực vật.

5.2. Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất rau an toàn phù hợp sản xuất nông nghiệp đô thị:

- Mục tiêu: Ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất rau an toàn nhằm giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm công lao động, giảm giá thành sản phẩm và tăng hiệu quả kinh tế.

- Nội dung:

+ Nhân rộng các mô hình cơ giới hóa trong sản xuất rau an toàn.

+ Ứng dụng các biện pháp phòng trừ sinh học trong phòng trừ sinh vật hại: nhân nuôi, phóng thích các loài thiên địch có ích.

+ Ứng dụng các kỹ thuật canh tác theo hướng hiện đại: Trồng rau thủy canh, trồng rau trên giá thể,...

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 5 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến nông.

- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ, Viện Cơ điện nông nghiệp và sau thu hoạch, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam, Chi cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

5.3. Dự án nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến rau nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch:

- Mục tiêu: Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sơ chế, bảo quản, chế biến nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nội dung:

+ Nghiên cứu và ứng dụng các vật liệu trong bao gói sản phẩm.

+ Nghiên cứu các sản phẩm chế biến từ rau, quả phục vụ thị trường nội địa.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.
- Tổng kinh phí: 3 tỷ đồng.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi Cục Phát triển nông thôn.
- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ, Saigon Co.op, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Trung tâm Công nghệ sinh học, các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến rau, quả.

5.4. Đề án phát triển sản xuất rau an toàn tại các xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố:

- Mục tiêu: Mở rộng diện tích, nâng cao năng suất và giá trị sản xuất rau an toàn trên địa bàn các xã nông thôn mới của thành phố, phấn đấu đến năm 2015 năng suất rau tại các xã nông thôn mới đạt trên 25 tấn/ha, giá trị sản xuất đạt trên 250 triệu đồng/ha/năm; 100% diện tích sản xuất rau tại các Hợp tác xã, Tổ hợp tác và vùng sản xuất rau an toàn tập trung của các xã nông thôn mới được chứng nhận rau VietGAP; 100% xã thực hiện chương trình nông thôn mới có sản xuất rau có mô hình sản xuất rau được chứng nhận VietGAP.

- Nội dung:

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất rau an toàn tại các xã nông thôn mới có sản xuất rau.

+ Ứng dụng công nghệ sinh học và các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất rau tại các xã thực hiện chương trình nông thôn mới.

+ Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đảm bảo tất cả sản phẩm rau VietGAP tại các xã thực hiện chương trình nông thôn mới được tiêu thụ ổn định.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 6 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi Cục Bảo vệ thực vật.

- Đơn vị phối hợp: Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Trung tâm Công nghệ sinh học, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam, Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, các công ty sản xuất giống cây trồng.

5.5. Chương trình tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng rau, quả trên địa bàn thành phố:

- Mục tiêu: Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát chất lượng rau, quả trên địa bàn thành phố nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

- Nội dung:

+ Hàng năm giám sát và thống kê bộ thuộc bảo vệ thực vật nông dân sử dụng trên rau.

+ Tổ chức lấy mẫu kiểm tra tồn dư độc chất trong rau, quả.

+ Tổ chức thực hiện kiểm tra tồn dư độc chất trên rau, quả.

+ Tổ chức thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm trên rau theo các quy định hiện hành.

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong thanh, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các sản phẩm không đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Đầu tư hệ thống sắc ký quang phổ (ít nhất từ 2 - 4 bộ) cho phòng thử nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 6 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật.

- Đơn vị phối hợp: Sở Y tế, Sở Công Thương, Chi Cục Quản lý thị trường, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối nông sản thực phẩm Bình Điền, Hóc Môn, Thủ Đức.

5.6. Chương trình sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất rau an toàn:

- Mục tiêu: Sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất rau an toàn nhằm giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm và góp phần nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nội dung:

+ Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố.

- + Hướng dẫn nông dân sử dụng các chế phẩm sinh học.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.
- Tổng kinh phí: 2 tỷ đồng.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Công nghệ sinh học.
- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5.7. Đề án xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu rau an toàn thành phố Hồ Chí Minh:

- Mục tiêu:
 - + Xây dựng mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, đảm bảo 70% sản lượng rau có hợp đồng tiêu thụ ổn định.
 - + Tổ chức lại hệ thống phân phối, lưu thông, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn thành phố, đảm bảo 100% các siêu thị và các chợ đều kinh doanh rau an toàn.
 - + Xây dựng thương hiệu rau an toàn của thành phố.
- Nội dung:
 - + Xây dựng chính sách gắn kết giữa người sản xuất với các đơn vị thu mua rau an toàn; tổ chức ký kết các hợp đồng tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn thành phố.
 - + Xây dựng thí điểm 03 mô hình Hợp tác xã kinh doanh rau an toàn tại 03 chợ đầu mối nông sản trên địa bàn thành phố.
 - + Phối hợp với Sở Công Thương, Ban Quản lý các chợ đầu mối nông sản xây dựng thương hiệu “chợ kinh doanh rau, quả an toàn”.
 - + Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và hộ nông dân tham gia, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ, triển lãm,...
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.
- Tổng kinh phí: 1,5 tỷ đồng.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Saigon Co.op, Ban Quản lý các chợ đầu mối nông sản và các công ty, Siêu thị trên địa bàn thành phố.

5.8. Dự án đào tạo, huấn luyện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Mục tiêu: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, góp phần phát triển sản xuất rau an toàn bền vững.

- Nội dung:

+ Đào tạo, huấn luyện cán bộ quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho các xã thực hiện nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 3 tỷ đồng.

- Đơn vị thực hiện: Trường Trung cấp kỹ thuật nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Trung tâm Khuyến nông, Chi Cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Chi Cục Phát triển nông thôn.

6. Tổ chức thực hiện:

6.1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

6.2. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015:

- Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phó ban: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan.

- Các Ủy viên: Lãnh đạo các quận, huyện có sản xuất rau.

6.3. Cơ quan thường trực: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6.4. Cơ quan, đơn vị thực hiện:

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất rau.

- Các doanh nghiệp, Hộ nông dân, Hợp tác xã, liên Tổ, Tổ hợp tác.

- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6.5. Các cơ quan phối hợp:

- Các Sở, ngành liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao,...

- Các đoàn thể: Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố.

- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, công ty sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp.

6.6. Tổ chức thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Phối hợp với các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường và các quận, huyện có sản xuất rau tổ chức hướng dẫn, thực hiện quy hoạch, xác định cụ thể các vùng sản xuất rau theo từng giai đoạn phát triển.

+ Hướng dẫn các quận, huyện có sản xuất rau tổ chức lập và phê duyệt các quy hoạch chi tiết nói trên theo đúng quy định.

+ Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch hàng năm, 5 năm đảm bảo đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức phổ biến, công khai cho các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, hộ sản xuất, nông dân biết, thực hiện.

+ Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, các quận, huyện có sản xuất rau nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích để phát triển rau an toàn.

+ Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn; đề xuất và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất rau:

+ Khẩn trương lập quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn quản lý theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”.

+ Tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ sản xuất rau an toàn.

+ Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn hàng năm trên địa bàn.

- Sở Công Thương:

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về kinh doanh rau, quả trên địa bàn thành phố; xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng thương hiệu “chợ kinh doanh rau, quả an toàn”.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện có liên quan: Cân đối, bố trí kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015 được phê duyệt, đảm bảo nhiệm vụ mục tiêu phát triển rau an toàn trong từng thời kỳ kế hoạch, tiến độ đầu tư các chương trình, dự án, đề án.

- Hội Nông dân thành phố: Chỉ đạo các cấp hội cơ sở tích cực phối hợp với ngành nông nghiệp và địa phương tuyên truyền, phổ biến, vận động nông dân và các doanh nghiệp kinh doanh tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín